

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho giai đoạn từ ngày 01/11/2007 đến ngày 31/12/2007

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Phường Long Hương – Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/11/2007 đến ngày 31/12/2007.

KHAI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa “Công ty”, tiền thân là Công ty Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi (cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26/08/2005 của Bộ Công Nghiệp.

Trụ sở giao dịch: Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000451 ngày 01/11/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán vật tư thiết bị;
- Lập dự án xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Chế biến và kinh doanh nông sản;
- Chế biến và kinh doanh hải sản (địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành và từng địa phương. Không được chế biến từ phường 01 đến phường 12 thuộc TP Vũng Tàu);

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hữu Hạnh	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Lin	Ủy viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Mạnh Hùng	Ủy viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bình	Ủy viên hội đồng quản trị
Ông Phạm Quốc Thái	Ủy viên hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Phạm Hữu Hạnh	Giám đốc đến ngày 18/11/2007
Ông Huỳnh Lin	Giám đốc, bổ nhiệm ngày 19/11/2007
Ông Phan Văn Dũng	Phó Giám đốc, bổ nhiệm ngày 24/12/2007
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Giám đốc, bổ nhiệm ngày 05/02/2008

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 23 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY). Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Huỳnh Lin
Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Tầng 5 - 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Tel : (84-4) 755 7446
Fax : (84-4) 755 7448
Website: uhyvietnam.com.vn

Số. *86* /UHY/2008/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/11/2007 đến ngày 31/12/2007
của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa*

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/11/2007 đến ngày 31/12/2007. Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định kế toán hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Tuy nhiên cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế về phạm vi

Chúng tôi xin lưu ý đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2007 là báo cáo có đưa ra ý kiến ngoại trừ về khoản mục hàng tồn kho, tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề trên tới báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/11/2007 đến ngày 31/12/2007.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại thời điểm 31/12/2007, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/11/2007 đến ngày 31/12/2007, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số V.14: đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần. Theo đó, một số chỉ tiêu trên nguồn vốn và các khoản liên quan đến việc xác định nguồn vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần có thể thay đổi khi có Quyết định xác định giá trị phần vốn nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng văn bản.



Phạm Gia Đạt
Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV



Nguyễn Minh Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0666/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2007	Tại 01/11/2007
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		991.027.021.391	1.208.293.010.970
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.638.556.325	29.924.056.391
1. Tiền	111		34.638.556.325	29.924.056.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		834.355.929.741	1.001.517.122.874
1. Phải thu khách hàng	131		193.745.560.204	12.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		2.832.762.268	2.098.573.148
3. Phải thu nội bộ	133	V.2	636.942.471.894	998.560.961.643
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.213.826.876	845.088.083
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(378.691.501)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	121.764.711.783	176.509.171.173
1. Hàng tồn kho	141		121.764.711.783	176.509.171.173
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		267.823.542	342.660.532
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		98.639.294	29.167.113
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		103.482.703	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		65.701.545	313.493.419
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.229.866.788.149	1.234.381.121.962
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.223.805.966.682	1.223.437.374.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.156.433.998.720	1.184.321.894.982
- Nguyên giá	222		2.305.920.523.974	2.305.920.523.974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.149.486.525.254)	(1.121.598.628.992)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	1.600.678.348	1.650.699.546
- Nguyên giá	228		3.011.117.583	3.011.117.583
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.410.439.235)	(1.360.418.037)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	65.771.289.614	37.464.780.363
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000	10.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000	10.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.050.821.467	10.933.747.071
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.294.621.467	1.419.621.467
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.8	-	4.757.925.604
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.756.200.000	4.756.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.220.893.809.540	2.442.674.132.932

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2007	Tại 01/11/2007
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.571.347.546.092	1.628.090.119.834
I. Nợ ngắn hạn	310		412.925.925.329	316.852.808.471
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	117.058.529.933	3.940.000.000
2. Phải trả người bán	312		137.824.862.071	117.377.667.078
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	7.990.921.315	23.584.159.365
5. Phải trả người lao động	315		6.883.307.254	8.509.356.936
6. Chi phí phải trả	316	V.11	60.138.354.292	118.296.301.426
7. Phải trả nội bộ	317	V.12	82.204.310.614	44.354.212.095
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	V.13	825.639.850	791.111.571
II. Nợ dài hạn	330		1.158.421.620.763	1.311.237.311.363
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	1.154.479.207.296	1.311.237.311.363
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.8	3.796.501.094	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		145.912.373	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		649.546.263.448	814.584.013.098
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	649.424.192.409	814.443.312.059
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		619.942.074.412	815.724.837.032
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.151.242.511	6.151.242.511
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.096.256.795	4.096.256.795
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		694.424.593	694.424.593
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.216.968	11.216.968
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.528.977.130	(12.234.665.840)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		122.071.039	140.701.039
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		122.071.039	140.701.039
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.220.893.809.540	2.442.674.132.932

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

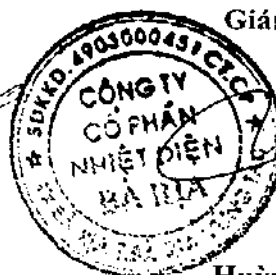
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Võ Thị Bích Phượng

Phạm Quốc Thái

Huỳnh Lin

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/11/2007 đến 31/12/2007	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	175.760.975.735	979.977.614.101
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	10		175.760.975.735	979.977.614.101
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	152.827.689.641	913.400.738.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp DV	20		22.933.286.094	66.576.875.203
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31.507.450.157	2.076.632.220
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.078.332.700	62.340.847.257
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.078.332.700	44.845.593.745
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.609.129.044	14.006.732.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.753.274.507	(7.694.072.135)
11. Thu nhập khác	31		634.191.812	358.140.915
12. Chi phí khác	32		635.878.861	14.874.217
13. Lợi nhuận khác	40		(1.687.049)	346.266.698
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.751.587.458	(7.347.805.437)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	3.416.017.790	2.700.540.082
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6	8.554.426.698	(4.757.925.604)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		30.781.142.970	(5.290.419.915)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			51	

(*) Công ty chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 01/11/2007 nên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/11/2007 đến ngày 31/12/2007 mới trình bày chi tiêu này.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Bích Phượng

Phạm Quốc Thái

Huỳnh Lin

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/11/2007 đến 31/12/2007	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		42.751.587.458	(7.347.805.437)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2	V.5,6	27.937.917.460	99.092.916.871
- Các khoản dự phòng	3		378.691.501	(2.324.917.639)
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	VI.3	(13.558.932.480)	16.992.591.444
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(128.353.739)	(799.647.785)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	8.078.332.700	44.845.593.745
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8			
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		166.926.810.803	(296.869.652.411)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		54.744.459.390	(1.823.642.090)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(20.436.134.443)	(156.860.932.651)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.813.453.423	(3.362.090.040)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.078.332.700)	(43.368.870.177)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		208.871.180	31.643.471.029
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(253.094.532.914)	(65.549.322.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.543.837.639	(385.732.307.232)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(25.100.000)	(5.092.170.000)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	128.353.739	799.647.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		103.253.739	(4.292.522.215)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31			9.161.136.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.000.000.000	388.599.025.229
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.940.000.000)	(15.120.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.060.000.000	382.640.161.229
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		21.707.091.378	(7.384.668.218)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.924.056.391	37.308.724.609
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	51.631.147.769	29.924.056.391

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Võ Thị Bích Phượng

Phạm Quốc Thái

Huỳnh Lin

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa "Công ty", tiền thân là Công ty Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26/08/2005 của Bộ Công Nghiệp.

Trụ sở giao dịch: Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000451 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán vật tư thiết bị;
- Lập dự án xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Chế biến và kinh doanh nông sản;
- Chế biến và kinh doanh hải sản (địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành và từng địa phương. Không được chế biến từ phường 01 đến phường 12 thuộc TP Vũng Tàu);

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 được lập do đây là năm hoạt động đầu tiên của Công ty Cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20/03/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về việc "Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp", Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 của Công ty được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Lập dự phòng

Các khoản dự phòng được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/IT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp". Tuy nhiên, trong giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 Công ty không trích lập bất kỳ một khoản dự phòng nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30.
- Máy móc, thiết bị	5 - 14
- Phương tiện vận tải	10 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
- TSCĐ khác	5

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại quốc lộ 5, xã Long Hương, thị xã Bà Rịa theo Quyết định số 1206/QĐ-EVN-TCKT ngày 15/05/2003 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN). Giá trị quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

8. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

9. Chênh lệch tỷ giá

- Các nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Lỗ (lãi) do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ có gốc ngoại tệ không được xác định chi phí (thu nhập) tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được loại trừ khi phân phối các quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

10. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính dùng kỳ kế toán.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Tất cả các khoản chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quyết định này thay đổi theo từng thời điểm, việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty là vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Phần chênh lệch nguồn vốn giữa đăng ký kinh doanh và sổ sách kế toán sẽ được quyết toán và bàn giao lại cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam sau khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chưa phân phối và cổ tức chưa được công bố do Công ty chưa họp Đại hội cổ đông thông qua vấn đề này. Lỗ (lãi) do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2007 được loại trừ khi phân phối các quỹ và phân phối cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/12/2007	Tại 01/11/2007
	VND	VND
Tiền mặt	45.050.529	159.869.628
Tiền gửi ngân hàng	34.593.505.796	29.764.186.763
Cộng	34.638.556.325	29.924.056.391

2. Phải thu nội bộ

	Tại 31/12/2007	Tại 01/11/2007
	VND	VND
Phải thu chênh lệch tỷ giá	294.260.379.535	294.260.379.535
Phải thu vốn khấu hao cơ bản	174.220.690.618	174.220.690.618
Phải thu hoạt động tài chính	168.186.383.622	168.186.383.622
Phải thu chi phí sản xuất	275.018.119	275.018.119
Phải thu tiền điện	-	361.618.489.749
Cộng	636.942.471.894	998.560.961.643

3. Các khoản phải thu khác

	Tại 31/12/2007	Tại 01/11/2007
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	400.225.071	400.225.071
Tạm ứng tiền thuế GTGT	378.691.501	378.691.501
Chi phí nhà để xe cho CBCNV	203.251.570	38.808.971
Xây dựng khu sản xuất nước tinh khiết	131.276.784	-
Phải thu khác	100.381.950	27.362.540
Cộng	1.213.826.876	845.088.083

4. Hàng tồn kho

	Tại 31/12/2007	Tại 01/11/2007
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	116.863.851.406	171.272.903.562
Công cụ, dụng cụ	87.798.913	86.054.589
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.695.848.464	4.695.848.464
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	121.764.711.783	176.509.171.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Tại 01/11/2007	86.949.582.586	2.167.671.430.163	26.791.614.910	24.482.270.296	25.626.019	2.305.920.523.974
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2007	86.949.582.586	2.167.671.430.163	26.791.614.910	24.482.270.296	25.626.019	2.305.920.523.974
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại 01/11/2007	26.745.244.396	1.064.376.622.358	14.059.078.729	16.397.182.693	20.500.815	1.121.598.628.992
- Khấu hao trong kỳ	729.219.768	25.978.866.196	486.909.246	692.046.852	854.200	27.887.896.262
- Điều chỉnh tăng	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2007	27.474.464.164	1.090.355.488.554	14.545.987.975	17.089.229.545	21.355.015	1.149.486.525.254
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại 01/11/2007	60.204.338.190	1.103.294.807.805	12.732.536.181	8.085.087.603	5.125.204	1.184.321.894.982
Tại 31/12/2007	59.475.118.422	1.077.315.941.609	12.245.626.935	7.393.040.751	4.271.004	1.156.433.998.720

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**Phường Long Hương - Bà Rịa - Vũng Tàu****BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****6. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Tại 01/01/2007	3.011.117.583	3.011.117.583
Tại 31/10/2007	3.011.117.583	3.011.117.583
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại 01/01/2007	1.360.418.037	1.360.418.037
- Khấu hao trong năm	50.021.198	50.021.198
Tại 31/10/2007	1.410.439.235	1.410.439.235
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại 01/01/2007	1.650.699.546	1.650.699.546
Tại 31/10/2007	1.600.678.348	1.600.678.348

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Chi phí sửa chữa lớn	65.771.289.614	37.464.780.363
Tổng cộng	65.771.289.614	37.464.780.363

8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
a Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.757.925.604	4.757.925.604
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(4.757.925.604)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.757.925.604
b Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.796.501.094	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.796.501.094	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Phường Long Hương - Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****9. Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Vay ngắn hạn	15.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	102.058.529.933	3.940.000.000
Cộng	117.058.529.933	3.940.000.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.604.038.717	22.570.141.168
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.386.882.598	996.161.230
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.856.967
Cộng	7.990.921.315	23.584.159.365

11. Chi phí phải trả

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Sửa chữa lớn phải trả	51.673.303.329	93.926.372.838
Lãi vay dài hạn phải trả	8.465.050.963	22.893.205.020
Lãi vay các cá nhân khác	-	1.476.723.568
Cộng	60.138.354.292	118.296.301.426

12. Phải trả nội bộ

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Tạm ứng vốn kinh doanh	71.350.098.519	33.500.000.000
Lợi nhuận phải trả	10.854.212.095	10.854.212.095
Cộng	82.204.310.614	44.354.212.095

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**Phường Long Hương - Bà Rịa - Vũng Tàu****BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****13. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Bảo hiểm y tế	4.197.321	16.312.542
Bảo hiểm xã hội	-	77.519.862
Kinh phí công đoàn	101.987.818	88.977.089
Phải trả về cổ phần hoá	459.076.073	459.076.073
Các khoản phải trả, phải nộp khác	260.378.638	149.226.005
Cộng	825.639.850	791.111.571

14. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Vay dài hạn	1.154.479.207.296	1.311.237.311.363
Ngân hàng ĐT và PT Bà Rịa VT	28.317.412.064	39.523.313.137
Quỹ HTPT Bà Rịa Vũng Tàu	810.939.785.020	866.122.381.553
Ngân hàng Thế giới (WB)	315.222.010.212	405.591.616.673
Cộng	1.154.479.207.296	1.311.237.311.363

15. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000451 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Vốn điều lệ của Công ty là 604.856.000.000 đồng chia thành 60.485.600 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 48.121.557 cổ phần tương ứng 481.215.570.000 đồng, chiếm 79,55% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.364.043 cổ phần tương ứng 123.640.430.000 đồng, chiếm 20,45% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Công ty chưa thực hiện các thủ tục quyết toán và bàn giao vốn với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo tỷ lệ góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Cổ phần số 4903000451 ngày 01/11/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, tình hình vốn góp thực tế tại 31/12/2007 chi tiết như sau:

	Theo điều lệ	Thực góp	Chênh lệch
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	481.215.570.000	496.301.644.412	15.086.074.412
Các cổ đông khác	123.640.430.000	123.640.430.000	-
Cộng	604.856.000.000	619.942.074.412	15.086.074.412

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Phường Long Hương - Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/11/2007 đến 31/12/2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****15a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Vốn góp của Nhà nước	496.301.644.413	692.084.407.032
Vốn góp của các đối tượng khác	123.640.430.000	123.640.430.000
Cộng	619.942.074.413	815.724.837.032

15b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/11/2007 đến 31/12/2007 VND	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	815.724.837.033	815.724.837.033
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ (*)	195.782.762.620	-
+ Vốn góp cuối kỳ	619.942.074.413	815.724.837.033
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(*) Vốn giảm trong kỳ là khoản đối trừ với phải thu về tiền điện đối với EVN theo công văn số 6749/CV-EVN-TCKT ngày 17/12/2007.

15c. Cổ tức

Công ty chưa công bố và chi trả khoản cổ tức của 02 tháng cuối năm 2007, do Đại hội cổ đông chưa họp và thông qua vấn đề này.

15d. Cổ phiếu**Cổ phiếu**

	Tại 31/12/2007 VND	Tại 01/11/2007 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	60.485.600	60.485.600
SL cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu thường	60.485.600	60.485.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.485.600	60.485.600
+ Cổ phiếu thường	60.485.600	60.485.600
* Mệnh giá cổ phiếu:	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

15e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại 31/12/2007	Tại 01/11/2007
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.096.256.795	4.096.256.795
Quỹ dự phòng tài chính	694.424.593	694.424.593
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.216.968	11.216.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

15f. Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Đơn vị tính: VND						Tổng cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
A	1	2	3	4	5	6	7
Tại ngày 01/01/2007	813.604.049.398	5.206.449.583	4.976.110.783	899.662.834	393.811	-	824.686.666.409
- Tăng trong năm	1.272.245.736	944.792.928	64.938.940	694.424.593	10.823.157	-	2.987.225.354
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(5.290.419.915)	(5.290.419.915)
- Tăng khác	848.541.898	-	-	-	-	-	848.541.898
- Giảm khác	-	-	(944.792.928)	(899.662.834)	-	(6.944.245.925)	(8.788.701.687)
Tại ngày 31/10/2007	815.724.837.032	6.151.242.511	4.096.256.795	694.424.593	11.216.968	(12.234.665.840)	814.443.312.059
Tại ngày 01/11/2007	815.724.837.032	6.151.242.511	4.096.256.795	694.424.593	11.216.968	(12.234.665.840)	814.443.312.059
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	30.781.142.970	30.781.142.970
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(195.782.762.620)	-	-	-	-	(17.500.000)	(195.800.262.620)
Tại ngày 31/12/2007	619.942.074.412	6.151.242.511	4.096.256.795	694.424.593	11.216.968	18.528.977.130	649.424.192.409